



LAC DUY & ASSOCIATES



BẢN TIN PHÁP LUẬT

THÁNG 08/2026



**DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI BỔ
SUNG MỘT SỐ ĐIỀU NGHỊ ĐỊNH
145/2020/NĐ-CP VỀ LAO ĐỘNG**



**MỘT SỐ ĐIỂM MỚI NỔI BẬT CỦA
NGHỊ ĐỊNH SỐ 283/2026/NĐ-CP VỀ
XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH
TRONG LĨNH VỰC LAO ĐỘNG**

PHÁT HÀNH BỞI LAC DUY & ASSOCIATES

LIÊN HỆ CHÚNG TÔI

 : <http://lacduy-associates.com>

 : lacduy@lacduy-associates.com

 : +84917275572/+842836221603

 : Phòng 603, Tầng 6, Tòa nhà Centec, số 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Xuân Hòa, TP.HCM

BẢN TIN PHÁP LUẬT



LAC DUY & ASSOCIATES

THÁNG 08/2026

Quý khách hàng thân mến,

Lac Duy & Associates trân trọng được gửi tới quý khách hàng Bản tin pháp luật của tháng 08 năm 2026 với một số điểm tin và bài viết đáng chú ý như sau:

- Dự thảo Nghị Định sửa đổi bổ sung một số điều Nghị Định 145/2020/NĐ-CP về lao động
- Một số điểm mới nổi bật của Nghị Định số 283/2026/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động
- Văn bản Pháp luật tháng 08/2026



DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU NGHỊ ĐỊNH 145/2020/NĐ-CP VỀ LAO ĐỘNG

Ngày 27/07/2026, Bộ Nội vụ vừa hoàn tất việc lấy ý kiến Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 145/2020/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động (“**Dự Thảo**”). Dự Thảo gồm năm (05) điều khoản và hai (02) phụ lục với các nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị định 145/2020/NĐ-CP (“**Nghị Định 145**”) đáng chú ý như sau:

1. Báo cáo tình hình sử dụng lao động

Dự thảo đã chuyển nghĩa vụ báo cáo về tình hình sử dụng lao động và tình hình hoạt động cho thuê lại lao động của doanh nghiệp và Sở Nội vụ thành thực hiện thông qua Nền tảng Hợp đồng lao động điện tử để phù hợp với chủ trương Nghị quyết 57-NQ/TW và Nghị định 337/2025/NĐ-CP. Cụ thể, theo quy định tại Điều 1.1 Dự Thảo, việc khai trình sử dụng lao động, định kỳ báo cáo tình hình thay đổi lao động được thực hiện như sau:



Đối với người sử dụng lao động (“**NSDLĐ**”):

- Thời hạn nộp báo cáo: Định kỳ 06 tháng (trước ngày 05 tháng 6) và hằng năm (trước ngày 05 tháng 12)

- Nơi nhận báo cáo: Sở Nội vụ thông qua Nền tảng hợp đồng lao động điện tử. Trường hợp không báo cáo được thông qua Nền tảng hợp đồng lao động điện tử thì NSDLĐ gửi báo cáo trực tiếp đến Sở Nội vụ.

- Đối với lao động làm việc trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao thì NSDLĐ có trách nhiệm báo cáo tình hình sử dụng lao động đến Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao theo phương thức như báo cáo đến Sở Nội vụ.

Đối với Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao (“**BQL**”):

- Thời hạn nộp báo cáo: Định kỳ 06 tháng (trước ngày 15 tháng 6) và hằng năm (trước ngày 15 tháng 12),
- Nơi nhận báo cáo: Bộ Nội vụ và Sở Nội vụ thông qua Nền tảng hợp đồng lao động điện tử.
- Sở Nội vụ có trách nhiệm tổng hợp chung tình hình sử dụng lao động trên địa bàn và báo cáo theo mẫu đến Bộ Nội vụ thông qua Nền tảng hợp đồng lao động điện tử. Trường hợp không báo cáo được thông qua Nền tảng hợp đồng lao động điện tử thì Sở Nội vụ gửi báo cáo trực tiếp đến Bộ Nội

vụ, BQL gửi báo cáo trực tiếp đến Bộ Nội vụ và Sở Nội vụ.

2. Các quy định về cho thuê lại lao động

2.1. Quy định chung

Để đảm bảo tính thống nhất với Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP, Dự Thảo bãi bỏ quy định liên quan đến giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động. Thay vào đó, các doanh nghiệp thành lập theo Luật Doanh nghiệp chỉ cần **thực hiện ký quỹ với mức ấn định là 2 tỷ đồng** tại ngân hàng thương mại tại Việt Nam (hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động hợp pháp) và **thực hiện thông báo hoạt động cho thuê lại lao động theo quy định**, có tuyển dụng, giao kết hợp đồng lao động với người lao động, sau đó chuyển người lao động sang làm việc và chịu sự điều hành của NSDLĐ khác mà vẫn duy trì quan hệ lao động với doanh nghiệp đã giao kết hợp đồng lao động là đủ điều kiện kinh doanh cho thuê lại lao động.¹

2.2. Liên quan đến quy định rút tiền ký quỹ

Điều 1.5 Dự Thảo bổ sung trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp cho thuê lại lao động đặt trụ sở chính đồng ý để doanh nghiệp cho thuê lại lao động **rút tiền ký quỹ khi doanh nghiệp chấm dứt hoạt động cho thuê lại lao động**.

Đáng chú ý, Dự Thảo đã đơn giản hóa trình tự rút

tiền ký quỹ bằng cách số hóa thủ tục. Cụ thể, Điều 1.5 Dự Thảo quy định doanh nghiệp cho thuê lại lao động thực hiện thủ tục rút tiền ký quỹ bằng cách nộp 01 bộ hồ sơ theo hình thức trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Ngoài ra, Dự Thảo cũng bãi bỏ quy định về việc nộp bổ sung tiền ký quỹ và các quy định liên quan đến giấy phép.



2.3. Liên quan đến hoạt động thông báo và báo cáo

Điều 1.7 Dự thảo cũng bổ sung Điều 20a và 20b Nghị Định 145 quy định về trách nhiệm thông báo hoạt động và chấm dứt cho thuê lại lao động của doanh nghiệp như sau:

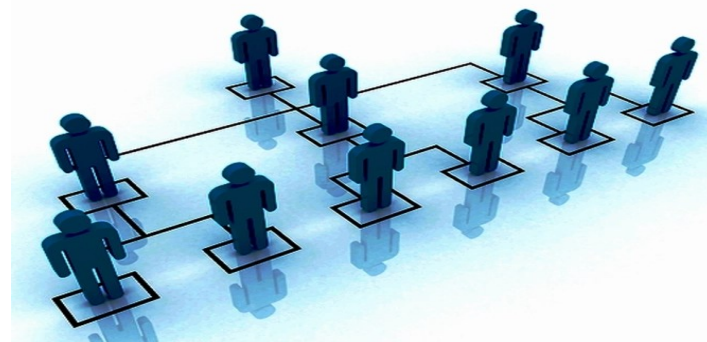
- Nơi nhận thông báo: Sở Nội vụ nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và nơi doanh nghiệp có chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có) thông qua Nền tảng hợp đồng lao động điện tử. Trường hợp không gửi thông báo được thông qua Nền tảng hợp đồng lao động điện tử thì doanh nghiệp gửi thông báo trực tiếp đến Sở Nội vụ nơi doanh nghiệp đặt trụ sở

¹ Điều 1.2, 1.3 Dự Thảo

chính và nơi doanh nghiệp có chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có).

- Các thông tin cho **thông báo hoạt động** bao gồm: tên doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp, ngân hàng nhận ký quỹ, địa chỉ ngân hàng nhận ký quỹ, số hợp đồng ký quỹ, ngày bắt đầu hoạt động cho thuê lại lao động. Khi các thông tin này thay đổi, doanh nghiệp cho thuê lại gửi thông báo cập nhật cho Sở Nội vụ nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và nơi doanh nghiệp có chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có) theo phương thức như gửi thông báo hoạt động cho thuê lại lao động.

- Các thông tin cho **thông báo chấm dứt** bao gồm: tên doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp, số hợp đồng cho thuê lại lao động đang thực hiện, số lao động cho thuê lại đang thực hiện các hợp đồng cho thuê lại lao động; ngày chấm dứt hoạt động cho thuê lại lao động



Trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động cho thuê lại của doanh nghiệp được quy định tại Điều 1.8 Dự Thảo với các nội dung được sửa đổi, bổ sung, cụ thể:

- Thời hạn nộp báo cáo: Định kỳ hằng quý (trước ngày 05 của tháng đầu quý).
- Nơi nhận báo cáo:

- Đối với doanh nghiệp: Sở Nội vụ nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, đồng thời báo cáo Sở Nội vụ nơi doanh nghiệp đến hoạt động cho thuê lại lao động (nếu có) thông qua Nền tảng hợp đồng lao động điện tử. Trường hợp không báo cáo được thông qua Nền tảng hợp đồng lao động điện tử thì doanh nghiệp gửi báo cáo trực tiếp đến Sở Nội vụ nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và nơi doanh nghiệp đến hoạt động cho thuê lại lao động (nếu có).

- Đối với doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao: BQL nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và BQL nơi doanh nghiệp đến hoạt động cho thuê lại lao động (nếu có) theo phương thức như gửi báo cáo đến Sở Nội vụ.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hoạt động cho thuê lại lao động, doanh nghiệp cho thuê lại lao động thực hiện thanh lý toàn bộ các hợp đồng cho thuê lại lao động đang thực hiện, giải quyết quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động thuê lại và bên thuê lại theo quy định của pháp luật lao động.

Điều 1.9 Dự Thảo cũng sửa đổi, bổ sung trách nhiệm của Sở Nội vụ. Theo đó, Sở Nội Vụ có trách nhiệm “*tổng hợp, công khai danh sách doanh nghiệp có trụ sở chính trên địa bàn đang hoạt động, chấm dứt hoạt động cho thuê lại lao động tại trang thông tin điện tử của Sở Nội vụ trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của doanh nghiệp cho thuê lại lao động, đồng thời gửi danh sách doanh nghiệp hoạt động, chấm dứt hoạt động cho thuê lại lao động về Bộ Nội vụ để theo dõi, quản lý*”.

2.4. Làm rõ phạm vi công việc được thực hiện cho thuê lại lao động

Dự Thảo cũng làm rõ phạm vi của một số công việc tại Danh mục công việc được thực hiện cho thuê lại lao động tại Phụ lục II Dự Thảo bao gồm hỗ trợ bán hàng, hỗ trợ dự án, sản xuất, lắp đặt thiết bị truyền hình viễn thông, cụ thể:

“5. ~~Hỗ trợ bán hàng~~: ~~Trợ giúp bán hàng~~: giới thiệu sản phẩm, kiểm kê sản phẩm, trưng bày và đóng gói sản phẩm.

6. Hỗ trợ dự án: tư vấn dự án, quản lý dự án

...

8. ~~Sản xuất, lắp đặt thiết bị truyền hình, viễn thông~~: Sản xuất, lắp đặt thiết bị truyền thông: thiết bị chuyển mạch văn phòng trung tâm, điện thoại không dây, điện thoại và máy fax, thiết bị truyền dữ liệu, ăngten thu phát, thiết bị cáp vô tuyến, máy nhắn tin, điện thoại di động, thiết bị trong phòng thu vô tuyến và truyền thanh, mô-đen, thiết bị truyền tải, thiết bị chuyển đổi tivi và đài, thiết bị hồng ngoại (trừ lắp ráp thiết bị điện và linh kiện điện tử).”





MỘT SỐ ĐIỂM MỚI NỔI BẬT CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 283/2026/NĐ-CP VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC LAO ĐỘNG

Ngày 15/07/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 283/2026/NĐ-CP (“**Nghị Định 283**”) quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo

hiểm xã hội và người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Nghị định này sẽ có hiệu lực từ ngày 10/09/2026, thay thế cơ chế xử phạt hiện hành theo Nghị định số 12/2022/NĐ-CP (“**Nghị Định 12**”) và thiết lập khung quy định mới về hành vi vi phạm hành chính, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả cũng như thẩm quyền xử phạt trong các lĩnh vực nêu trên. Một số quy định mới đáng chú ý tại Nghị Định 283 bao gồm:

1. Bổ sung quy định mới về xử lý hành vi xâm phạm dữ liệu về người lao động

Trước đây, Nghị Định 12 chưa có quy định xử phạt riêng đối với các hành vi xâm phạm dữ liệu trong lĩnh vực lao động. Trong bối cảnh khung pháp lý về bảo vệ dữ liệu cá nhân cơ bản đã được hoàn thiện với Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025, Nghị Định 283 đã bổ sung nhiều chế tài xử phạt đối với hành vi xâm phạm dữ liệu về người lao động như sau:

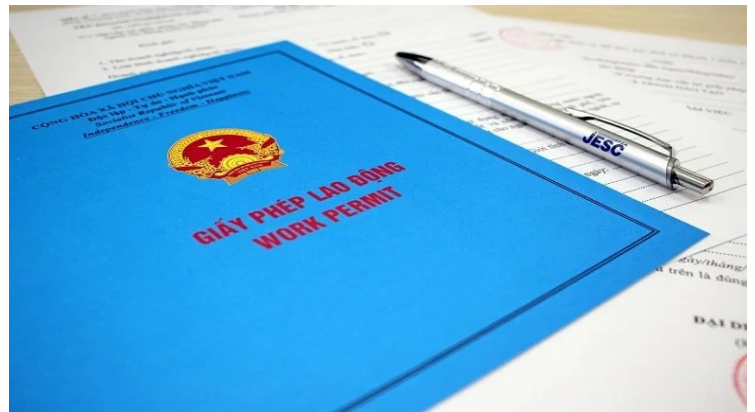
CƠ SỞ PHÁP LÝ	HÀNH VI	CHẾ TÀI XỬ PHẠT
Điều 10.2	Khai thác, chia sẻ, sử dụng trái phép thông tin, dữ liệu trong cơ sở dữ liệu về người lao động và thông tin về thị trường lao động chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền công bố, phổ biến nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự	20.000.000 – 40.000.000 đồng (đối với cá nhân) và 40.000.000 – 80.000.000 đồng (đối với tổ chức)
Điều 10.4(c)	Mua bán, trao đổi, chiếm đoạt trái phép thông tin, dữ liệu trong cơ sở dữ liệu về người lao động và thông tin về thị trường lao động chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền công bố, phổ biến nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự	50.000.000 – 70.000.000 đồng (đối với cá nhân) và 100.000.000 – 140.000.000 đồng (đối với tổ chức)

2. Bổ sung nhiều chế tài xử phạt mới liên quan đến người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam

Nghị Định 283 đã quy định bổ sung một số chế tài mới trong lĩnh vực người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, cụ thể:

(i) Theo Điều 13.1 Nghị Định 283, người sử dụng lao động là tổ chức bị phạt tiền từ 2.000.000 - 6.000.000 đồng khi không thông báo, thông báo không đúng thời hạn hoặc không đầy đủ nội dung theo quy định trong các trường hợp:

- Người lao động nước ngoài không phải làm thủ tục cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động;
- Người lao động nước ngoài đã được cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động có nhu cầu làm việc cho người sử dụng lao động đó tại nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Người lao động nước ngoài đã được cấp giấy phép lao động có nhu cầu làm việc cho người sử dụng lao động đó tại nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.



(ii) Theo Điều 13.2 Nghị Định 283, người sử dụng lao động là tổ chức bị phạt tiền từ 10.000.000 - 20.000.000 đồng khi vi phạm với mỗi người lao động (tối đa không quá 150.000.000 đồng) đối với các hành vi:

- Không thu hồi hoặc thu hồi không đúng thời hạn giấy phép lao động để nộp lại cơ quan đã cấp giấy phép lao động kèm theo văn bản báo cáo trường hợp thu hồi theo Điều 31.1 Nghị định 219/2025/NĐ-CP;
- Không thu hồi hoặc thu hồi không đúng thời hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động để nộp lại cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy xác nhận kèm theo văn bản báo cáo trường hợp thu hồi theo Điều 33.1 Nghị định 219/2025/NĐ-CP;
- Không nộp lại giấy phép lao động hoặc giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo Điều 31.2 và 33.2 Nghị định 219/2025/NĐ-CP.

3. Bổ sung quy định mới buộc xin lỗi công khai người lao động đối với các vi phạm về thực hiện

hợp đồng lao động

Từ 10/09/2026, khi vi phạm bất kỳ quy định nào về thực hiện hợp đồng lao động tại Điều 17 Nghị Định 283, người sử dụng lao động đều buộc phải thực hiện “xin lỗi công khai tại nơi cư trú, nơi làm việc, địa điểm khác hoặc trên phương tiện thông tin đại chúng, trừ trường hợp nạn nhân có đơn không yêu cầu”. Đây là biện pháp khắc phục hậu quả mới đối với người sử dụng lao động có một trong 07 hành vi sau:

- Tạm thời chuyển người lao động làm công việc khác so với hợp đồng lao động nhưng không báo cho người lao động trước 03 ngày làm việc hoặc không thông báo hoặc thông báo không rõ thời hạn làm tạm thời hoặc bố trí công việc không phù hợp với sức khỏe, giới tính của người lao động.



- Bố trí người lao động làm việc ở địa điểm khác với thỏa thuận trong hợp đồng lao động, trừ trường hợp tại Điều 29 Bộ luật Lao động.

- Không nhận lại người lao động trở lại làm việc sau khi hết thời hạn tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động nếu hợp đồng lao động còn thời hạn, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác;

- Chuyển người lao động làm công việc khác so với hợp đồng lao động không đúng lý do; thời hạn

hoặc không có văn bản đồng ý của người lao động theo quy định của pháp luật.

- Quấy rối tình dục tại nơi làm việc nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự

- Cường bức lao động hoặc ngược đãi người lao động nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Buộc người lao động thực hiện hợp đồng lao động để trả nợ cho người sử dụng lao động.

Ngoài thực hiện xin lỗi công khai người lao động, người sử dụng lao động vẫn sẽ chịu phạt tiền và thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng khác.

4. Bổ sung chế tài đối với hành vi chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp của người sử dụng lao động theo quy định mới của Luật Bảo hiểm xã hội 2024

Trước đây, Nghị Định 12 chỉ quy định một mức phạt tiền chung đối với doanh nghiệp có hành vi chậm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp là từ 24% đến 30% tổng số tiền phải đóng tại thời

điểm lập biên bản vi phạm (tối đa không quá 150.000.000 đồng), và mức phạt tiền với hành vi trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp là từ 100.000.000 - 150.000.000 đồng.

Với việc ban hành Luật Bảo hiểm xã hội 2024, các hành vi được coi là chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp đã được quy định cụ thể. Vì vậy, Nghị Định 283 đã bổ sung chế tài xử phạt đầy đủ cho từng trường hợp chậm đóng, trốn đóng theo Luật Bảo hiểm xã hội 2024, cụ thể như sau:

(i) Chế tài xử phạt đối với hành vi không đăng ký hoặc đăng ký không đầy đủ số người phải tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp

Đối với hành vi này, Nghị Định 283 không áp dụng một mức tiền phạt chung mà thay vào đó **chia nhỏ mức tiền phạt thành 08 khung theo số lượng người lao động bị ảnh hưởng** nhằm bao quát trường hợp vi phạm dưới 10 người lao động đến trường hợp vi phạm hơn 1000 người lao động:

Trường hợp người sử dụng lao động không đăng ký hoặc đăng ký không đầy đủ số người tham gia trong vòng 60 ngày kể từ khi hết thời hạn phải đăng ký quy định tại Điều 28.1 Luật Bảo hiểm xã hội 2024 hoặc thời hạn theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp thì sẽ bị coi là chậm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp. Trong trường hợp này, mức phạt tiền đối với doanh nghiệp dao động từ 10.000.000 đến 150.000.000 đồng (đối với hành vi vi phạm về bảo hiểm xã hội bắt buộc) và từ 1.000.000 đến 70.000.000 đồng (đối với hành vi vi phạm về bảo hiểm thất nghiệp) tùy theo số lao động bị vi phạm (*căn cứ Điều 43.2 và 45.2 Nghị Định 283*).



Trong trường hợp sau thời hạn 60 ngày nêu trên mà người sử dụng lao động vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ đăng ký (trừ trường hợp có lý do chính đáng), hành vi này sẽ bị xem là hành vi trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp. Theo Điều 44.1 và 46.1 Nghị Định 283, mức phạt tiền đối với doanh nghiệp sẽ dao động 12.000.000 đến 150.000.000 đồng (đối với hành vi vi phạm về bảo hiểm xã hội bắt buộc) và từ 2.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng (đối với hành vi vi phạm về bảo hiểm thất nghiệp)

tùy theo số lượng lao động bị vi phạm.

Nhìn chung, hành vi trốn đóng sẽ có mức phạt cao hơn hẳn so với chậm đóng trong nhóm có cùng mức độ vi phạm, và hành vi vi phạm đối với bảo hiểm xã hội bắt buộc sẽ có mức phạt cao hơn bảo hiểm thất nghiệp.

(ii) Chế tài xử phạt đối với hành vi chưa đóng hoặc đóng chưa đủ số tiền phải đóng theo hồ sơ tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp đã đăng ký

Trường hợp doanh nghiệp chưa đóng hoặc đóng chưa đầy đủ số tiền phải đóng trong vòng 60 ngày kể sau ngày đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp chậm nhất theo quy định sẽ bị xem là chậm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp. Theo Điều 45.3 Nghị Định 283, mức phạt tiền đối với

hành vi này là từ 24% đến 30% tổng số tiền chậm đóng tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính (tối đa không quá 150.000.000 đồng) đối với người sử dụng lao động là tổ chức.



Trường hợp sau thời hạn 60 ngày nêu trên, doanh nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền đơn đốc theo quy định mà vẫn không thực hiện đóng đầy đủ số tiền theo hồ sơ tham gia bảo hiểm đã đăng ký

(trừ trường hợp có lý do chính đáng), doanh nghiệp sẽ bị coi là trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp. Theo Điều 46.2 Nghị Định 283, mức phạt tiền với hành vi này là 36% đến 40% tổng số tiền trốn đóng bảo hiểm thất nghiệp (tối đa không quá 150.000.000 đồng) đối với người sử dụng lao động là tổ chức.

(iii) Chế tài xử phạt đối với hành vi đăng ký tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp thấp hơn quy định

Theo Điều 46.2 Nghị Định 283, mức phạt tiền đối với người sử dụng lao động là tổ chức có hành vi trên là từ 36% đến 40% tổng số tiền trốn đóng, nhưng tối đa không quá 150.000.000 đồng.

BẢN TIN PHÁP LUẬT



LAC DUY & ASSOCIATES

THÁNG 08/2026

VĂN BẢN PHÁP LUẬT THÁNG 08/2026

SỐ	NGÀY HIỆU LỰC	TÊN VĂN BẢN
----	------------------	-------------

THƯƠNG MẠI

1.	14/08/2026	Quyết định 32/2026/QĐ-TTg ban hành Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ ban hành
2.	17/08/2026	Thông tư 35/2026/TT-BCT quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá do Bộ Công Thương quản lý do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành

XUẤT NHẬP KHẨU

1.	14/08/2026	Quyết định 31/2026/QĐ-TTg ban hành Danh mục hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập do Thủ tướng Chính phủ ban hành
----	------------	--

ĐẦU TƯ

1.	21/08/2026	Nghị định 274/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh do Chính Phủ ban hành
----	------------	---

THUẾ - PHÍ – LỆ PHÍ

1.	21/08/2026	Nghị định 273/2026/NĐ-CP về kinh doanh hàng miễn thuế do Chính Phủ ban hành
----	------------	---

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

1.	05/08/2026	Nghị định 310/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính Phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, được sửa đổi bởi Nghị định 68/2024/NĐ-CP, Nghị định 69/2024/NĐ-CP và Nghị định 118/2025/NĐ-CP do Chính Phủ ban hành
----	------------	---

🌐: <http://lacduy-associates.com>

✉: lacduy@lacduy-associates.com

☎: +84917275572/+842836221603

BẢN TIN PHÁP LUẬT



LAC DUY & ASSOCIATES

THÁNG 08/2026

- | | | |
|----|------------|---|
| 2. | 15/08/2026 | Nghị quyết 66.22/2026/NQ-CP về phát triển công dân số do Chính phủ ban hành |
|----|------------|---|

SỞ HỮU TRÍ TUỆ

- | | | |
|----|------------|---|
| 1. | 15/08/2026 | Quyết định 33/2026/QĐ-TTg về Danh mục hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro cao do Thủ tướng Chính phủ ban hành |
|----|------------|---|

BẤT ĐỘNG SẢN

- | | | |
|----|------------|--|
| 1. | 31/08/2026 | Nghị định 281/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 123/2024/NĐ-CP ngày 04/10/2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai do Chính Phủ ban hành |
|----|------------|--|